ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN THỤY	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2077/QĐ-UBND	*Kiến Thụy, ngày 16 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cải tạo tuyến đường trục thôn đoạn từ đường 405 đến nhà văn hóa thôn Tam Kiệt, xã Kiến Thụy

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN THỤY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 21/8/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện cải tạo công trình: Cải tạo tuyến đường trục thôn đoạn từ đường 405 đến nhà văn hóa thôn Tam Kiệt, xã Kiến Thụy;

Căn cứ Quyết định số 1305/QĐ-UBND ngày 06/7/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy về việc chuyển giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình sử dụng vốn chi thường xuyên do Phòng Kinh tế (trước 29/6/2026) làm chủ đầu tư;

Theo đề nghị của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 192/TTr-XD,NN&MT ngày 16/10/2026, kèm theo Văn bản số 83/XD,NN&MT ngày 16/10/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cải tạo tuyến đường trục thôn đoạn từ đường 405 đến nhà văn hóa thôn Tam Kiệt, xã Kiến Thụy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Cải tạo tuyến đường trục thôn đoạn từ đường 405 đến nhà văn hóa thôn Tam Kiệt, xã Kiến

Thụy, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Cải tạo tuyến đường trục thôn đoạn từ đường 405 đến nhà văn hóa thôn Tam Kiệt, xã Kiến Thụy.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, nhóm C, cấp IV.

3. Địa điểm xây dựng: thôn Tam Kiệt, xã Kiến Thụy.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy.

5. Chủ đầu tư: Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã.

6. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng

7. Mục tiêu dự án

Từng bước cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng xã Hữu Bằng, huyện Kiến Thụy đến năm 2030, được Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 23/6/2025 nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

8. Quy mô, phương án đầu tư xây dựng

8.1. Quy mô đầu tư xây dựng

- Phạm nghi nghiên cứu tuyến đường trên nền mặt đường tuyến hiện trạng.

- Tổng chiều dài L= 262, Trong đó:

+ Điểm đầu tuyến từ ngã ba Tam Kiệt giao đường 405

+ Điểm cuối tuyến ngã ba giao đường trục thôn (cửa nhà Văn Hóa thôn Tam Kiệt)

+ Sửa chữa Mở rộng mặt đường hiện trạng từ 4m lên 5,0m. , kết cấu áo đường cấp cao A1; dốc ngang 2 mái i=2%.

- Thay toàn bộ tấm đan rãnh thoát nước B400 thành tấm đan chịu lực kích thước 1000x600x140.

- Hệ thống đèn điện chiếu sáng giữu nguyên hiện trạng

* Các lĩnh vực nghiên cứu

- Xác định quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội hiện tại, tương lai và các vùng xung quanh. Xác định khối lượng xây dựng công trình và tổng mức đầu tư xây dựng tuyến đường.

8.2. Phương án xây dựng

a. Mặt đường

* Bình diện tuyến:

Tuyến đường được thiết kế theo tiêu chuẩn đường phố nội bộ (TCVN 3592: 2022) và theo quy hoạch và hiện trạng tuyến bề rộng nền đường từ 5,00 ÷ 6,00m.

* Mặt cắt dọc:

Trắc dọc thiết kế đảm bảo nguyên tắc đảm bảo cao độ khống chế tại các điểm, theo quy hoạch đã được phê duyệt: Thiết kế cao độ tại đỉnh bó vỉa theo mặt đường hiện trạng + 0,125m.

* Mặt cắt ngang:

Thông số mặt cắt ngang các tuyến

- Lộ giới rộng B~7,0m. Trong đó:

+ Mặt đường xe chạy: 5,0m

+ Hè đường (lề): rộng từ 0.5-1m thay nắp tấm đan rãnh nước bằng tấm đan chịu lực kết hợp hoàn trả lề đường.

* Mặt đường được giữ nguyên theo hiện trạng

b. Thiết kế kết cấu nền, mặt đường

Chiều dầy của kết cấu áo đường được tính toán theo điều kiện sau:

- Loại kết cấu áo đường: mặt đường mềm cấp cao chủ yếu - cấp A1.

- Các thống số tính toán:

+ Cường độ mặt đường yêu cầu, Eyc>=110Mpa

+ Tải trọng tính toán: Trục 10 tấn.

+ Áp lực tính toán: P=6,0daN/cm2.

+ Đường kính vệt bánh xe: D=33cm.

+ Cường độ mặt đường mở mới E=98 Mpa.

* Kết cấu nền mặt đường:

- Thiết kế nền đường: Đối với những phạm vi mặt đường thiết kế mở rộng, kết cấu nền đường thiết kế như sau:

+ Đào bỏ kết cấu nền cũ đến đáy khuôn kết cấu áo đường thiết kế: Bóc lớp đất hữu cơ dày 25cm vị trí ruộng, vườn; lớp bùn dày 50cm với vị trí mương, đầm, ao.

* Nền đường gồm các lớp từ trên xuống như sau :

+ Nền thượng đất núi đầm chặt K=0,95 dày 30cm.

-Thiết kế mặt đường:

* Kết cấu áo đường KC1 (áp dụng đối với mặt đường tôn tạo, vuốt nối):

+ Bê tông nhựa chặn (BTNC 12,5), dày 7cm;

+ Lớp nhựa thấm bám; tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m2;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 bù vênh kết hợp mặt đường tạo nhám;

* Kết cấu áo đường KC2 (mở mới):

+ Bê tông nhựa chặn (BTNC 12,5), dày 7cm;

+ Lớp nhựa thấm bám; tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m2;

+ Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm;

+ Cấp phối đá dăm loại 2 dày 25cm;

c. Phần thoát nước:

Cải tạo rãnh thu nước 2 bên lề L=483,0m: Tháo dỡ tấm đan cũ thay tấm đan chịu lực mới. Đục tẩy cổ ga rãnh hiện trạng, đổ bê tông cốt thép cổ ga mác 250, đá 1x2.

Rãnh thoát nước dọc tuyến: Nạo vé bùn lòng rãnh dày trung bình 20cm. Tấm đan đậy rãnh bằng bê tông cốt thép mác 250 đúc sẵn kích thước 1000x600x140.

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

Stt	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1.	Đường ô tô – Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS31:2020/TCĐBVN
2.	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
3.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4.	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo, xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
5.	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000 (phần ngoài trời)	96 TCN 43-90
6.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 07 : 2023/BXD
7.	Quy trình thiết kế thoát nước	TCVN 7957-2023
8.	Đường đô thị – yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
9.	Đường ô tô - yêu cầu thiết kế.	TCVN 4054 : 2005
10.	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu:.	TCVN 9436:2012
11.	Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS38:2022/TCĐBVN
12.	Sơn tín hiệu giao thông – Phương pháp đo hệ số phát sáng dưới ánh sáng khuếch tán bằng phản xạ kế cấm tay	TCVN 9274:2012
13.	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
14.	Bê tông nhựa- Phương pháp thử;	TCVN 8860:2011
15.	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
16.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2012
17.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567-1:2022

Stt	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
18.	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô – Thi công và nghiệm thu	TCVN 8858:2023
19.	Công tác đất – Thi công và nghiệm thu.	TCVN 4447: 2012

- Các Quy chuẩn khác liên quan.

10. Tổng mức đầu tư (làm tròn): **2.521.436.000** đồng *(Bằng chữ: Hai tỷ, năm trăm hai mươi mốt triệu, bốn trăm ba mươi sáu nghìn đồng).*

*** Trong đó:**

- Chi phí Xây dựng	:	2.087.275.490	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	68.584.000	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	194.178.025	đồng
- Chi phí khác	:	51.330.203	đồng
- Chi phí dự phòng	:	120.068.386	đồng

11. Thời gian thực hiện: 2026 - 2027.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án hoặc thuê đơn vị quản lý dự án.

14. Đơn vị quản lý, vận hành sau đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy.

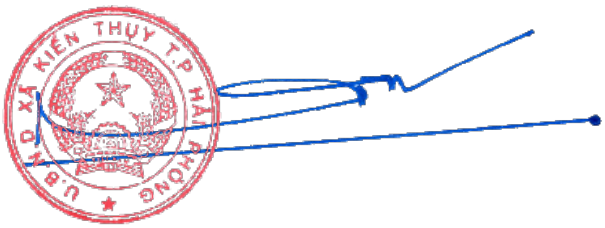
Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã Kiến Thụy chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, tổ chức triển khai công trình theo các nội dung được duyệt tại Điều 1 và các quy định về quản lý đầu tư xây dựng theo pháp luật hiện hành. Thực hiện nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế; Trưởng phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.



Lưu Văn Thụy